

CÔNG TY CỔ PHẦN UNIVIC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN UNIVIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UNIVIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: UNIVIC., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107627410

3. Ngày thành lập: 09/11/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 16A/56/222 đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
2.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
3.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
4.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Gồm có: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
8.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Khai thác quặng sắt	0710
11.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
12.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530

13.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Gồm có: : Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh ; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
14.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
15.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
16.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Gồm có: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống..., Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;	4290
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Gồm có: - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
22.	Cho thuê xe có động cơ	7710
23.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
25.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
26.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
27.	Xây dựng nhà các loại	4100
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Gồm có: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Kinh doanh phương tiện phòng cháy, chữa cháy;	4669
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
32.	Bán buôn tổng hợp	4690
33.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
34.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
35.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
36.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
40.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy;	4329
41.	Lập trình máy vi tính	6201
42.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Gồm có: hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin;	6209
43.	Phá dỡ	4311
44.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Gồm có: Hoạt động tư vấn kỹ thuật	7110
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
47.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
48.	Khai thác và thu gom than non	0520
49.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730(Chính)
54.	Bán buôn thực phẩm	4632
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	(Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật);	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI THANH TÙNG	Số 16, ngõ 68/53/14 tổ 5, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.500	475.000.000	25,000	013290266	
			Tổng số	47.500	475.000.000	25,000		
2	VŨ VĂN HIỆP	Số 16A/56/222, đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.500	475.000.000	25,000	162733622	
			Tổng số	47.500	475.000.000	25,000		
3	CAO THỊ THÊU	CH1810-CT2-KĐT Dream Town, đường 70, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.500	475.000.000	25,000	036185000537	
			Tổng số	47.500	475.000.000	25,000		
4	DƯƠNG VĂN HẬU	Thôn Hán Xuyên, Xã Thát Hùng, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.500	475.000.000	25,000	030083001672	
			Tổng số	47.500	475.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG VĂN HẬU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030083001672

Ngày cấp: 23/02/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hán Xuyên, Xã Thất Hùng, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hán Xuyên, Xã Thất Hùng, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội